**TUẦN 30**: **CHỦ ĐỀ 4: CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ**

**Bài 82: TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách tìm phân số của một số.

- Vận dụng cách tìm phân số của một số vừa học để vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được nhiệm vụ trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Dẫn dắt vào bài mới.- Cách tiến hành: |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh sau và chia sẻ với bạn về những điều em quan sát được từ bức tranh:! Học sinh thực hành lấy $\frac{1}{3}$ số hình tròn trên bộ đồ dùng học tập.? Cần phải lấy ra bao nhiêu hình tròn?- GV hướng dẫn HS: Để biết lấy ra bao nhiêu hình tròn, ta cũng có thể thực hiện phép nhân sau: 12  $\frac{1}{3}$! Em hãy dự đoán xem kết quả của phép nhân trên.- GV nhận xét, khen ngợi học sinh và dẫn dắt vào bài mới: Tìm phân số của một số ( Tiết 1) | - HS quan sát tranh, thực hiện chia sẻ với bạn cùng bàn:+ Có 12 hình tròn. Hãy lấy ra $\frac{1}{3}$ số hình tròn đó.+ HS thực hành theo bàn.+ 4 hình tròn12  $\frac{1}{3}$ = 4+ HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá***:* **( Làm việc nhóm – Cá nhân)****-** Mục tiêu: + HS biết cách tìm phân số của một số.+ Rèn cho học sinh kĩ năng làm việc nhóm, tư duy toán học.**-** Cách tiến hành: |
| **-** GV nêu nhiệm vụ: **Có 12 hình tròn. Tìm** $\frac{2}{3}$ **của 12 hình tròn đó.**! Thảo luận nhóm 4 thực hiện nhiệm vụ trên.! Trình bày kết quả thảo luận.- GV nhận xét, tuyên dương học sinh và chốt cách làm đùng, hay.**- GV gợi ý HS cách làm khác:****?** 12 : 3 = 4, rồi lấy 4  2 = 8. Ta có thể viết gộp lại thế nào?? Biết thức ( 12 : 3)  2 gợi ý cho ta đã lấy 12 nhân với phân số nào?- GV chốt: Đây chính là một cách tìm $\frac{2}{3}$ của 12; cũng chính là một cách tìm phân số của một số.! Nêu cách tìm $\frac{2}{3}$ của 12?? Vậy muốn tìm phân số của một số ta làm thế nào?Lưu ý HS: Khi làm bài và trình bày bài dạng này ta trình bày theo đúng quy tắc.! Lấy ví dụ về cách tìm phân số của một số.- GV nhận xét, tuyên dương HS. | + HS đọc lại nhiệm vụ thầy cô giao.+ HS thảo luận nhóm 4+ Đại diện các nhóm trình bày một số cách làm. Ví dụ như:\* Tìm $\frac{1}{3}$ của 12 hình tròn là 4 hình tròn. Sau đó lấy 4  2 = 8 hình tròn. Vậy $\frac{2}{3}$ của 12 hình tròn là 8 hình tròn.\* Ta lấy 12 : 3 = 4, rồi lấy 4  2 = 8. Vậy $\frac{2}{3}$ của 12 hình tròn là 8 hình tròn. - HS lắng nghe( 12 : 3)  212  $\frac{2}{3}$- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- Cả lớp tham gia chơi trò chơi theo nhóm 2 để thực hiện nhiệm vụ.+ Ta lấy 12 nhân với phân số $\frac{2}{3}$+ Muốn tìm phân số của một số ta lấy số đó nhân với phân số đã cho.+ HS lắng nghe.+ HS làm bảng con- HS lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập:**- Mục tiêu:+ Giúp HS củng cố lại cách tìm phân số của một số. Vận dụng vào giải một số bài toán cụ thể để khắc sâu kiến thức.+ Rèn cho HS kĩ năng trình bày bài khoa học.- Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- GV mời cả lớp làm việc chung, cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời (bằng bảng con hoặc giấy nháp) **Số?** + $\frac{2}{5}$ của 10 ngôi sao là mấy ngôi sao?+ $\frac{5}{6}$ của 12 hình vuông là mấy hình vuông?- GV chốt cách tính và nhận xét, tuyên dương.? Bài tập 1 rèn cho em kĩ năng gì? | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1- Cả lớp làm việc chung cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời:+ $\frac{2}{5}$ của 10 ngôi sao là 4 ngôi sao.+ $\frac{5}{6}$ của 12 hình vuông là 12 hình vuông.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.+ Kĩ năng tìm phân số của một số. |
| **Bài 2: Làm việc cá nhân vào vở bài tập.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Tìm phân số của một số trong mỗi trường hợp sau:? Bài toán yêu cầu gì?- GV mời cả lớp làm bài giải vào vở.a; ? $ \frac{1}{2}$ của 18 là bao nhiêu? ? $\frac{1}{7}$ của 42 là bao nhiêu?b; ? $\frac{3}{4}$ của 20 là bao nhiêu? ? $\frac{3}{7}$ của 21 là bao nhiêu?c; ? $\frac{2}{5}$ của 35 là bao nhiêu?? $\frac{2}{9}$ của 36 là bao nhiêu?- GV thu vở nhận xét một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi.? Bài 2 củng cố cho em kiến thức gì?! Nêu lại cách tìm phân số của một số.- GV nhận xét, tuyên dương HS | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.+ Tìm phân số của một số.- GV mời cả lớp làm bài giải vào vở.+ $\frac{1}{2}$ của 18 là 9+ $\frac{1}{7}$ của 42 là 6+ $\frac{3}{4}$ của 20 là 15+ $\frac{3}{7}$ của 21 là 9+ $\frac{2}{5}$ của 35 là 14+ $\frac{2}{9}$ của 36 là 8- GV thu vở nhận xét một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi.+ Tìm phân số của một số.- Vài HS nhắc lại.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau:Hôm nay, mẹ mang 100 000 đồng đi chợ. Mẹ đã mua hàng hết $\frac{3}{4}$ số tiền mẹ mang đi. Vậy em tính xem mẹ đã mua hàng hết bao nhiêu tiền?- GV mời cả lớp suy nghĩ và đưa ra kết quả.+ Đáp án: Mẹ đã mau hàng hết 75 000 đồng.- Nhận xét, tuyên dương học sinh | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đọc tình huống của GV nêu.- HS tính và đưa ra kết quả và cách tính.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**Bài 82: TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách giải một số bài toán liên quan đến tìm phân số của một số.

- Vận dụng cách tìm phân số của một số vừa học để vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Rèn kĩ năng giải toán có lời văn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được nhiệm vụ trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Dẫn dắt vào bài mới.- Cách tiến hành: |
| - Giáo viên tổ chức cho HS chơi trò chơi “Gọi thuyền” để trả lời các câu hỏi sau:? Muốn tìm phân số của một số ta làm thế nào?? $\frac{3}{7}$ của 21 là bao nhiêu?? $\frac{2}{5}$ của 35 quyển vở là bao nhiêu quyển vở?? $\frac{2}{9}$ của 36 cái kẹo là bao nhiêu cái kẹo?- GV nhận xét, khen ngợi học sinh và dẫn dắt vào bài mới: Tìm phân số của một số ( Tiết 2) | - HS chơi trò chơi.+ Muốn tìm phân số của một số ta lấy số đó nhân với phân số đã cho.+ $\frac{3}{7}$ của 21 là 9.+ $\frac{2}{5}$ của 35 quyển vở là 14 quyển vở.+ $\frac{2}{9}$ của 36 cái kẹo là 8 cái kẹo.+ HS lắng nghe và nhắc lại tên bài. |
| **2. Hoạt động khám phá**: **( Làm việc nhóm)****-** Mục tiêu: + HS biết cách tìm phân số của một số để giải một số bài toán có liên quan. + Rèn cho học sinh kĩ năng làm việc nhóm, tư duy toán học.**-** Cách tiến hành: |
| **-** GV nêu bài toán: **Một hộp có 12 quả bóng bàn. Hỏi** $\frac{3}{4}$ **số bóng bàn trong hộp là bao nhiêu quả bóng.**! Đọc đề bài toán! Thảo luận nhóm 2 tìm hiểu đề bài và tìm cách giải bài toán trên.? Bài toán cho biết gì?? Bài toán yêu cầu gì?? Theo bạn, để tìm $\frac{3}{4}$ số bóng bàn trong hộp là bao nhiêu quả bóng ta làm phép tính gì?? Kết quả của phép tính trên là bao nhiêu?! Trình bày kết quả thảo luận.- GV nhận xét, chốt cách làm đúng và hướng dẫn học sinh cách đặt lời giải và trình bày bài toán.? Bài toán trên giúp em rèn kĩ năng gì? | + HS đọc bài toán.+ HS thảo luận nhóm 2+ Một hộp có 12 quả bóng bàn.+ Tìm $\frac{3}{4}$ số quả bóng bàn trong hộp.+ Ta làm phép nhân phân số của một số: 12  $\frac{3}{4}$ + Kết quả của phép tính trên bằng 9+ Đại diện các nhóm trình bày.Bài giải$\frac{3}{4}$ số quả bóng bàn trong hộp là: 12  $\frac{3}{4}$ = 9 ( quả)Đáp số: 9 quả bóng bàn.+ Kĩ năng tìm phân số của một số; đặt lời giải và trình bày bài toán. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập:**- Mục tiêu:+ Giúp HS củng cố lại cách tìm phân số của một số. Vận dụng vào giải một số bài toán cụ thể liên quan đến cuộc sống hàng ngày.+ Rèn cho HS kĩ năng trình bày bài khoa học.- Cách tiến hành: |
| **Bài 3: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.? Bài toán cho biết gì?? Bài toán hỏi gì?- GV mời cả lớp làm việc chung, cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời (bằng bảng con) - GV nhận xét, tuyên dương.? Bài tập 3 rèn cho em kĩ năng gì?! Nhắc lại cách tìm phân số của một số. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3+ Khôi hái được 48 quả dâu tây, Khôi đã ăn $\frac{3}{8}$ số quả dâu tây hái được. + Hỏi Khôi đã ăn bao nhiêu quả dâu tây?- Cả lớp làm việc chung cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời:Bài giảiKhôi đã ăn số quả dâu tây là: 48  $\frac{3}{8}$ = 18 ( quả) Đáp số: 48 quả dâu tây- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.+ Kĩ năng giải bài toán về tìm phân số của một số.- Vài HS nhắc lại |
| **Bài 4: Làm việc cá nhân.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.? Bài toán cho biết gì?? Bài toán yêu cầu gì?- GV mời cả lớp làm bài giải vào vở nháp.! Đọc bài làm của mình trước lớp.- HS nhận xét bài của bạn.! Đổi chéo vở kiểm tra bài của bạn trong cùng bàn.- GV nhận xét, chốt cách làm và lưu ý HS khi trình bày bài giải.? Bài toán rèn cho em kĩ năng gì? | - 1 HS đọc yêu cầu bài 4.+ Bạn Ngọc mua 16 tờ giấy thủ công có các màu khác nhau, trong đó $\frac{1}{8}$ số tờ giấy có màu vàng. + Hỏi bạn Ngọc mua được bao nhiêu tờ giấy thủ công có màu vàng?- HS làm bài vào vở nháp- Vài HS đọc bài làm của mình.- HS nhận xét- Đổi chéo vở kiểm tra bài.- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm.+ Tìm phân số của một số. |
| **Bài 5: Làm việc nhóm 4 – Cá nhân**! Đọc đề bài! Thảo luận nhóm 4, tìm hiểu đề bài và cách làm bài toán.- GV mời LPHT lên điều hành để cả lớp cùng nhau chia sẻ:? Quyển sách có bao nhiêu trang sách?? Chị Huyền đã đọc được bao nhiêu phần số trang sách?? Muốn biết còn bao nhiêu trang sách chị Huyền chưa đọc, ta làm thế nào?- GV nhận xét phần chia sẻ của cả lớp và chốt cách làm.- GV mời HS cả lớp làm bài vào vở bài tập; 1 HS làm bảng nhóm.- GV chữa bài, nhận xét, khen ngợi HS.- GV mở rộng cho HS cách làm khác:+ Số trang sách chị Huyền chưa đọc bằng số phần số trang sách của quyển sách là: 1. $\frac{3}{4}$ = $\frac{1}{4}$ ( số trang sách của quyển sách)

+ Số trang sách chị Huyền chưa đọc là:328  $\frac{1}{4}$ = 82 ( trang sách)Đáp số: 82 trang sách. | - 2 HS đọc đề bài- Thảo luận nhóm 4 thực hiện yêu cầu.- LPHT lên trước lớp điều hành; các bạn trong lớp chia sẻ.+ Quyển sách có 328 trang sách.+ Chị Huyền đã đọc được $\frac{3}{4} $số trang sách.+ Muốn biết còn bao nhiêu trang sách chị Huyền chưa đọc, ta làm như sau:Bước 1: Tìm số trang sách chị Huyền đã đọc.Bước 2: Tìm số trang sách chị Huyền chưa đọc.- HS nghe và ghi nhớ.Bài giảiSố trang sách chị Huyền đã đọc là: 328  $\frac{3}{4}$ = 246 ( trang sách)Số trang sách chị Huyền chưa đọc là: 328 – 246 = 82 ( trang sách)Đáp số: 82 trang sách.- HS lắng nghe và ghi nhớ cách làm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **Bài 6: Trò chơi: Ai nhanh nhất?**! Đọc đề bài? Bài toán cho biết gì?? Bài toán hỏi gì?**-** GV tổ chức cho HS chơiTrò chơi: “Ai nhanh nhất?”để hoàn thành bài tập 6:Suy nghĩ trình bày các bước giải và tìm kết quả của bài toán trên nhanh nhất.- GV nhận xét, khen ngợi HS.? Em đã vận dụng kiến thức gì để hoàn thành bài tập này?! Nêu lại cách tìm phân số của một số.**-** Nhận xét tiết học | - HS đọc đề bài+ Xe thứ nhất chở được 18 thùng hàng. Xe thứ hai chỉ chở được số thùng hàng bằng $\frac{2}{3}$ số thùng hàng xe thứ nhất chở.+ Hỏi cả hai xe chở được bao nhiêu thùng hàng?- HS suy nghĩ trong 2 phút. Bạn nào nghĩ ra nhanh nhất sẽ trình bày trước lớp.Xe thứ hai chở được số thùng hàng là: 18  $\frac{2}{3}$ = 12 ( thùng hàng)Cả hai xe chở được số thùng hàng là: 18 + 12 = 30 ( thùng hàng) Đáp số: 30 thùng hàng+ Tìm phân số của một số.- 2 HS nhắc lại.- HS lắng nghe và ghi nhớ. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**Bài 83: LUYỆN TẬP (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Luyện tập, củng cố kĩ năng tìm phân số của một số và vận dụng để giải bài toán về tìm phân số của một số.

- Vận dụng cách tìm phân số của một số đã học để vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Rèn kĩ năng giải toán có lời văn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được nhiệm vụ trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Dẫn dắt vào bài mới.- Cách tiến hành: |
| - Giáo viên tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hái hoa tặng sao” để trả lời các câu hỏi sau:? Muốn tìm phân số của một số ta làm thế nào?? $\frac{4}{7}$ của 28 là bao nhiêu?? $\frac{3}{5}$ của 35 là bao nhiêu?? $\frac{3}{8}$ của 32 là bao nhiêu?- GV nhận xét, khen ngợi học sinh và dẫn dắt vào bài mới: Luyện tập ( Tiết 1) | - HS chơi trò chơi.+ Muốn tìm phân số của một số ta lấy số đó nhân với phân số đã cho.+ $\frac{4}{7}$ của 28 là 16.+ $\frac{3}{5}$ của 35 là 21.+ $\frac{3}{8}$ của 32 là 12.+ HS lắng nghe và nhắc lại tên bài. |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập:**- Mục tiêu:+ Giúp HS củng cố lại cách tìm phân số của một số. Vận dụng vào giải một số bài toán cụ thể liên quan đến cuộc sống hàng ngày.+ Rèn cho HS kĩ năng trình bày bài giải toán có lời văn.- Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.? Bài toán yêu cầu gì?- GV mời cả lớp làm việc chung, cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời (bằng bảng con hoặc giấy nháp) .a,$\frac{3}{7}$ của 14 hình thoi là bao nhiêu hình thoi?$\frac{5}{6}$ của 18 bông hoa là bao nhiêu bông hoa?b, $\frac{1}{3}$ của 18 là bao nhiêu? $\frac{1}{8}$ của 64 là bao nhiêu? $\frac{2}{7}$ của 42 là bao nhiêu? $\frac{4}{9}$ cuả 27 là bao nhiêu? $\frac{3}{5}$ của 80 là bao nhiêu? $\frac{5}{8}$ của 96 là bao nhiêu?- GV gọi HS nối tiếp trả lời các câu hỏi trên và nêu cách làm đối với từng phép tính.- GV nhận xét, tuyên dương.? Bài tập 1 rèn cho em kĩ năng gì?! Nhắc lại cách tìm phân số của một số. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1+ Điền số thích hợp vào ô trống. - Cả lớp làm việc chung cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.+ 6 hình thoi+ 15 bông hoa+ $\frac{1}{3}$ của 18 là 6+ $\frac{1}{8}$ của 64 là 8+ $\frac{2}{7}$ của 42 là 12+ $\frac{4}{9}$ cuả 27 là 12+ $\frac{3}{5}$ của 80 là 48+ $\frac{5}{8}$ của 96 là 60- HS nối tiếp trả lời.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.+ Kĩ năng về tìm phân số của một số.- Vài HS nhắc lại |
| **Bài 2: Làm việc cá nhân.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.? Bài toán yêu cầu gì?- GV hướng dẫn mẫu: Tìm $\frac{2}{3}$ của 15 kg.Bước 1: Tìm $\frac{2}{3}$ của 15.Ta có $\frac{2}{3}$ của 15 là: 15  $\frac{2}{3}$ = 10.Bước 2: Kết luận:Vậy $\frac{2}{3}$ của 15 kg là 10 kg.- GV lưu ý HS: Đây là dạng tìm phân số của một số đo đại lượng.- GV mời cả lớp làm bài vào bảng con( GV chia theo bàn, mỗi HS làm 1 phép tính).! Đọc bài làm của mình trước lớp.a, $\frac{1}{4}$ của 20 km.b, $\frac{1}{7}$ của 28 g.c, $\frac{3}{10}$ của 100 ml.d, $\frac{3}{4}$ của 640 tấne, $\frac{5}{8}$ của 40 m2g, $\frac{2}{3}$ của 1 giờ.( GV hướng dẫn kĩ ý g)- Gọi HS nhận xét bài của bạn.- GV nhận xét, chốt cách làm và lưu ý HS nắm chắc các bước làm dạng toán này.? Bài toán rèn cho em kĩ năng gì? | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.+ Tính ( theo mẫu)- HS quan sát và lắng nghe, cùng GV thực hiện các bước.- HS lắng nghe- HS làm bài vào bảng con- HS lần lượt đọc bài làm của mình.a, Ta có $\frac{1}{4}$ của 20 là: 20  $\frac{1}{4}$ = 5.Vậy $\frac{1}{4}$ của 20 km là 5 km.b, Ta có $\frac{1}{7}$ của 28 là: 28  $\frac{1}{7}$ = 4.Vậy $\frac{1}{7}$ của 28 g là 4 g.c,Ta có $\frac{3}{10}$ của 100 là: 100  $\frac{3}{10}$ = 30.Vậy $\frac{3}{10}$ của 100 ml là 30 ml.d, Ta có $\frac{3}{4}$ của 640 là:640  $\frac{3}{4}$ = 480.Vậy $\frac{3}{4}$ của 640 tấn là 480 tấne, Ta có $\frac{5}{8}$ của 40 là 40  $\frac{5}{8}$ = 25Vậy $\frac{5}{8}$ của 40 m2 là 25 m2g, Đổi 1 giờ = 60 phútTa có $\frac{2}{3}$ của 60 phút là: 60  $\frac{2}{3}$ = 40Vậy $\frac{2}{3}$ của 1 giờ là 40 phút.- HS nhận xét- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm.+ Tìm phân số của một số. |
| **Bài 3: Làm việc nhóm 4** ! Đọc đề bài! Thảo luận nhóm 4, tìm hiểu đề bài và cách làm bài toán.- GV mời LPHT lên điều hành để cả lớp cùng nhau chia sẻ:? Mai tiết kiệm được bao nhiêu tiền?? Mai đã dùng bao nhiêu phần số tiền đó để mua đồ dùng chuẩn bị cho năm học mới?? Bài toán yêu cầu làm gì?? Muốn biết Mai còn lại bao nhiêu tiền, ta làm thế nào?- GV nhận xét phần chia sẻ của cả lớp và chốt cách làm.- GV mời HS cả lớp làm bài vào vở bài tập; 1 HS làm bảng nhóm.- GV chữa bài, nhận xét, khen ngợi HS.? Còn cách làm khác không?- GV nhận xét, tuyên dương HS | - 2 HS đọc đề bài- Thảo luận nhóm 4 thực hiện yêu cầu.- LPHT lên trước lớp điều hành; các bạn trong lớp chia sẻ.+ Mai tiết kiệm được 980 000 đồng.+ Mai đã dùng $\frac{2}{5} $số tiền để mua sách đồ dùng chuẩn bị cho năm học mới.+ Tính số tiền còn lại của Mai.+ Muốn biết Mai còn lại bao nhiêu tiền, ta làm như sau:Bước 1: Tìm số tiền Mai đã dùng để mua đồ dùng tập.Bước 2: Tìm số tiền còn lại của Mai.- HS nghe, và ghi nhớ.Bài giảiSố tiền Mai đã dùng để mua sách vở và đồ dùng học tập là: 980 000  $\frac{2}{5}$ = 392 000 ( đồng)Số tiền Mai còn lại là:980 000 – 392 000 = 588 000( đồng)Đáp số: 588 000 đồng.- HS lắng nghe và ghi nhớ cách làm. - HS trả lời:+ Số tiền Mai còn lại bằng số phần số tiền Mai tiết kiệm được là: 1. $\frac{2}{5}$ = $\frac{3}{5}$ ( số tiền của Mai)

+ Số tiền mai còn lại là:980 000  $\frac{3}{5}$ = 588 000 (đồng)Đáp số: 588 000 đồng. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau:Hôm nay, mẹ đi chợ về mua cho em 1 gói kẹo. Em bóc ra đếm thì gói kẹo có 20 cái kẹo. Mẹ bảo: “Con chia cho em Bo $\frac{3}{5}$ số kẹo đó”. Vậy em tính xem phần của em được bao nhiêu cái kẹo?- GV mời HS cả lớp viết kết quả vào bảng con.+ Đáp án: 8 cái kẹo- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đọc tình huống của GV nêu.- HS viết kết quả vào bảng con.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**Bài 83: LUYỆN TẬP (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Luyện tập, củng cố kĩ năng tìm phân số của một số và vận dụng để giải bài toán về tìm phân số của một số.

- Vận dụng cách tìm phân số của một số đã học để vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Rèn kĩ năng giải toán có lời văn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được nhiệm vụ trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Dẫn dắt vào bài mới.- Cách tiến hành: |
| - Giáo viên tổ chức cho HS chia làm 3 đội, mỗi đội 4 bạn để chơi trò chơi “**Tiếp sức đồng đội”** để nối bài toán ở cột A với kết quả ở cột B cho phù hợp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** |  | **B** |
| $\frac{2}{5}$ của 30 tấn là: |  | 16 tấn |
| $\frac{2}{7}$ của 21 tấn là: |  | 15 tấn |
| $\frac{3}{8}$ của 40 tấn là: |  | 6 tấn |
| $\frac{4}{7}$ của 28 tấn là: |  | 1. tấn
 |

- GV nhận xét, khen ngợi học sinh và dẫn dắt vào bài mới: Luyện tập ( Tiết 2) | - HS chơi trò chơi.+ HS lắng nghe và nhắc lại tên bài. |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập:**- Mục tiêu:+ Giúp HS củng cố lại cách tìm phân số của một số. Vận dụng vào giải một số bài toán cụ thể liên quan đến cuộc sống hàng ngày.+ Rèn cho HS kĩ năng trình bày bài giải toán có lời văn.- Cách tiến hành: |
| **Bài 4: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.? Bài toán cho biết gì?? Bài toán yêu cầu gì?- GV mời cả lớp làm việc chung, cùng nhau suy nghĩ và đưa ra cách giải bài toán ( Chỉ làm phép tình vào Bảng con).! Trình bày hoàn chỉnh bài toán bằng lời.- GV nhận xét, tuyên dương HS và chốt cách làm đúng.- GV khuyến khích HS tìm thêm cách khác.? Bài tập 4 rèn cho em kĩ năng gì?! Nhắc lại cách tìm phân số của một số. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 4+ Nhà chú Toàn thu hoạch được 660 kg cà phê. Chú Toàn đã bán được $\frac{2}{3}$ số cà phê đó.+ Chú Toàn còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cà phê?- Cả lớp làm việc chung cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.- Vài HS vừa cầm bảng vừa trình bày bài toán bằng lời.Chú Toàn đã bán được số ki-lô-gam cà phê là: 660  $\frac{2}{3}$ = 440 (kg)Chú Toàn còn lại số ki-lô-gam cà phê là: 660 - 440 = 220 (kg)Đáp số: 220 kg cà phê- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.+ Kĩ năng giải bài toán về tìm phân số của một số.- Vài HS nhắc lại |
| **Bài 5: Làm việc nhóm 2** ! Đọc đề bài! Thảo luận nhóm 2, tìm hiểu đề bài và cách làm bài toán.? Tổng diện tích vườn trồng rau là bao nhiêu?? Diện tích trồng cà rốt chiếm bao nhiêu phần tổng diện tích vườn?? Diện tích trồng dưa chuột chiếm bao nhiêu phần tổng diện tích?? Bài toán yêu cầu làm gì?? Muốn tính được diện tích trồng cà rốt và diện tích trồng dưa chuột, ta áp dụng kiến thức gì?- GV mời đại diện nhóm trình bày cách làm.- GV nhận xét và chốt cách làm.- GV mời HS cả lớp làm bài vào vở bài tập; 1 HS làm bảng nhóm.- GV chữa bài, nhận xét, khen ngợi HS. | - 2 HS đọc đề bài- Thảo luận nhóm 2 thực hiện yêu cầu.+ Tổng diện tích vườn là 360 m2.+ Diện tích trồng cà rốt chiếm $\frac{1}{4} $tổng diện tích vườn.+ Diện tích trồng dưa chuột chiếm $\frac{1}{2}$ tổng diện tích vườn.+ Tính diện tích trồng cà rốt.+ Tính diện tích trồng dưa chuột.+ Tìm phân số của một số đo đại lượng.- Đại diện nhóm trình bày cách làm.a, Diện tích trồng cà rốt là: 360  $\frac{1}{4}$ = 90 ( m2 )b, Diện tích trồng dưa chuột là: 360  $\frac{1}{2}$ = 180 ( m2 ) Đáp số: a, 90 m2  b,180 m2 - HS lắng nghe và ghi nhớ cách làm. - HS làm bài vào vở bài tập. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **Bài 6: (Thảo luận nhóm 4)**! Đọc đề bài? Bài toán cho biết gì?? Bài toán hỏi gì?**-** GV thảo luận nhóm 4, tìm hiểu cách làm.- GV mời đại diện các nhóm trình bày cách làm.? Ngoài cách làm này, em còn có cách làm khác không?- GV nhận xét, khen ngợi HS.? Em đã vận dụng kiến thức gì để hoàn thành bài tập này?! Nêu lại cách tìm phân số của một số.! Chia sẻ với các bạn về những điều em học được trong tiết học này.**-** Nhận xét tiết học | - HS đọc đề bài+ Quãng đường dài 84 km, một ô tô đã đi được $\frac{3}{4}$ quãng đường.+ Hỏi ô tô còn phải đi bao nhiêu ki-lô-mét nữa thì đi hết quãng đường đó?- HS thảo luận tìm ra cách làm.- Đại diện các nhóm trình bày cách làm.Quãng đường ô tô đã đi là:  84 $\frac{3}{4}$ = 63 ( km)Quãng đường ô tô còn phải đi để hết quãng đường đó là: 84 - 63 = 21 ( km) Đáp số: 21 km- HS trình bày cách làm khác+ Tìm phân số của một số.- 2 HS nhắc lại.- Vài HS chia sẻ.- HS lắng nghe và ghi nhớ. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**Bài 84: PHÉP CHIA PHÂN SỐ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS biết cách chia hai phân số ( lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đả ngược của phân số thứ hai).

- Vận dụng cách chia hai phân số vừa học để vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực mô hình hóa và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được nhiệm vụ trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Dẫn dắt vào bài mới.- Cách tiến hành: |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh sau và chia sẻ với bạn về những điều em quan sát được từ bức tranh:- GV yêu cầu HS quan sát tranh vẽ và hỏi: Nếu chia như trên thì chia được bao nhiêu phần như thế?? Để biết chia được 6 phần như thế, ta có thể làm phép tính gì?? Em dự đoán xem $\frac{3}{4}$ gấp mấy lần $\frac{1}{8}$ ?- GV nhận xét, khen ngợi học sinh và dẫn dắt vào bài mới: Phép chia phân số ( Tiết 1) | - HS quan sát tranh, thực hiện chia sẻ với bạn cùng bàn:+ Có $\frac{3}{4}$ chiếc bánh. Chia ra thành các phần bằng nhau, mỗi phần là $\frac{1}{8}$ chiếc bánh.- Nhìn tranh vẽ ta thấy chia được 6 phần như thế.+ $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}$- HS trả lời+ HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:**- Mục tiêu:+ HS nắm được cách chia hai phân số. Vận dụng vào giải một số bài toán cụ thể liên quan đến cuộc sống hàng ngày.+ Rèn cho HS kĩ năng thảo luận nhóm, tư duy toán học.- Cách tiến hành: |
| **Hoạt động 1: Thực hành trên băng giấy.** **( Làm việc nhóm 2)**- GV yêu cầu mỗi nhóm mang ra 2 băng giấy trắng có độ dài bằng nhau đã chuẩn bị từ trước. - Yêu cầu: 1 bạn tô màu vào $\frac{3}{4}$ băng giấy. Bạn còn lại tô màu vào $\frac{6}{8}$ băng giấy.! Em hãy so sánh độ dài $\frac{3}{4}$ băng giấy và $\frac{6}{8}$ băng giấy.? Mỗi phần nhỏ của băng giấy thứ hai bằng mấy phần của cả băng giấy thứ hai?! Quan sát hình hai băng giấy mà em vừa tô màu cho biết độ dài $\frac{3}{4}$ băng giấy gấp mấy lần độ dài $\frac{1}{8}$ băng giấy.- GV nhận xét, khen ngợi HS. | - HS lấy đồ dùng ra- Các nhóm thực hành theo yêu cầu.- Độ dài $\frac{3}{4}$ băng giấy bằng độ dài $\frac{6}{8}$ băng giấy.+ $\frac{1}{8}$ băng giấy thứ hai.+ $\frac{3}{4}$ băng giấy gấp 6 lần độ dài $\frac{1}{8}$ băng giấy. |
| **Hoạt động 2: Quy tắc chia hai phân số. ( Làm việc chung cả lớp)****-** GV viết lên bảng phép chia:$\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}$! Dựa vào việc thực hành với băng giấy bên trên, em hãy cho cho biết kết quả của phép chia $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}$ và giải thích.- GV nhận xét, khen HS.- GV viết lên bảng và yêu cầu HS thực hiện phép nhân sau: $\frac{3}{4}$  $\frac{8}{1}$! Nêu nhận xét của e, về kết quả của phép chia $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}$ và kết quả của phép nhân $\frac{3}{4}$  $\frac{8}{1}$? Em có nhận xét gì về hai phân số $\frac{1}{8}$ và $\frac{8}{1}$- GV giới thiệu phân số $\frac{8}{1}$ được gọi là phân số đảo ngược của phân số $\frac{1}{8}$ .? Vậy muốn chia hai phân số ta làm thế nào?- GV rút ra phần nhận xét, HS đọc lại để ghi nhớ.Nhận xét: Muốn chia một phân số cho một phân số khác 0, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.! Lớp chia thành các số chẵn, lẻ và thực hiện các phép chia sau:a, $\frac{7}{12}$ $\frac{3}{5}$b, $\frac{4}{7}$ $÷$ $\frac{3}{14}$- GV nhận xét, chữa bài và khắc sâu cho HS về cách chia hai phân số. | - HS theo dõi và đọc phép chia.- $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}$ = 6 Vì $\frac{3}{4}$ gấp 6 lần $\frac{1}{8}$ - HS làm bảng con.$\frac{3}{4}$  $\frac{8}{1}$ = 6- HS nhận xét: $\frac{3}{4}$ : $\frac{1}{8}= \frac{3}{4}$  $\frac{8}{1}$ = 6+ Tử số của phân số $\frac{1}{8}$ bằng mẫu số của phân số $\frac{8}{1}$.+ Mẫu số của phân số $\frac{1}{8}$ bằng tử số của phân số $\frac{8}{1}$.- HS lắng nghe và nhắc lại.- HS trả lời: Muốn chia một phân số cho một phân số khác 0, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.- HS đọc quy tắc chia hai phân số.- HS làm bảng cona, $\frac{7}{12}$ $\frac{3}{5}$ = $\frac{7}{12}$  $\frac{5}{3}$ = $\frac{35}{36}$b, $\frac{4}{7}$ $÷$ $\frac{14}{3}$ = $\frac{4}{7}$  $\frac{14}{3}$ = $\frac{8}{3}$- HS lắng nghe |
| **3. Luyện tập, thực hành.**- Mục tiêu:+ Giúp HS ghi nhớ kiến thức về phân số đảo ngược; rèn kĩ năng thực hiện phép chia hai phân số. + Rèn cho HS kĩ năng trình bày bài.- Cách tiến hành: |
| **Bài 1:****a, Làm vở bài tập** ! Đọc đề bài? Bài toán yêu cầu làm gì?- GV yêu cầu HS viết các phân số đảo ngược của các phân số đã cho vào vở bài tập.! Gọi HS nối tiếp trình bày bài làm của mình.! Đổi chéo vở để kiểm tra trong bàn và báo cáo kết quả với thầy cô.- GV nhận xét, khen ngợi HS.**b, Làm việc cá nhân**! Đọc đề bài? Bài toán yêu cầu gì?- GV yêu cầu học sinh làm bài vào bảng con ( 3 phép tính đầu), 1 HS lên bảng (phép tính cuối cùng).- GV chữa bài, nhận xét bài làm của HS.! Nêu lại cách chia hai phân số.- GV nhận xét và chốt kiến thức cần ghi nhớ. | - 2 HS đọc đề bài+ Nêu phân số đảo ngược của mỗi phân số sau: $\frac{3}{4}$ ; $\frac{10}{3}$ ; $\frac{2}{5}$; $\frac{1}{4}$- Học sinh làm vở bài tập:Phân số đảo ngược của mỗi phân số đã cho lần lượt là: $\frac{4}{3}$ ; $\frac{3}{10}$ ; $\frac{5}{2}$; $\frac{4}{1}$- HS nối tiếp trình bày bài.- Đổi chéo vở kiểm tra.- HS lắng nghe.- 2 HS đọc đề bài.- Tính- HS làm bảng theo yêu cầu cảu thầy cô.$\frac{4}{7}$ $÷$ $\frac{3}{4}$ = $\frac{4}{7}$  $\frac{4}{3}$ = $\frac{16}{21}$$\frac{10}{9}$ $÷$ $\frac{10}{3}$ = $\frac{10}{9}$ $\frac{3}{10}$ = $\frac{30}{90}$ = $\frac{1}{3}$$\frac{6}{35}$ $÷$ $\frac{2}{5}$ = $\frac{6}{35}$  $\frac{5}{2}$ = $\frac{30}{70}$ = $\frac{3}{7}$$\frac{1}{20}$ $÷$ $\frac{1}{4}$ = $\frac{1}{20}$  $\frac{4}{1}$ = $\frac{4}{20}$ = $\frac{1}{5}$- HS lắng nghe:- Vài HS nhắc lại.- HS lắng nghe và ghi nhớ. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu cách chia cho số có hai chữ số.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV đưa ra tình huống sau: Bố mua về một chiếc bàn học, mặt bàn hình chữ nhật. Bố bảo mặt bàn có diện tích là $\frac{3}{5}$ m2, chiều dài là $ \frac{6}{5}$ m. Em hãy tính thật nhanh cho bố chiều rộng của mặt bàn đó là bao nhiêu mét?- GV mời cả lớp suy nghĩ và đưa ra kết quả.- Đáp án: Chiều rộng là $\frac{1}{2}$ m2- GV nhận xét, tuyên dương HS! Chia sẻ về những điều em học được trong tiết học này.- GV nhận xét, chốt lại cách chia hai phân số. | - HS nghe- HS suy nghĩ và đưa ra cách làm.- Vài HS chia sẻ- Nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |